

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**  
 QUÝ 3 NĂM 2008

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*DVT : vnd*

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>I.</b>	<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>134,922,666,299</b>	<b>115,578,685,844</b>
1	Tiền	38,405,623,088	4,048,526,486
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	49,998,268,023	53,748,876,399
4	Hàng tồn kho	44,170,708,311	54,304,242,835
5	Tài sản lưu động khác	2,348,066,877	3,477,040,124
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>33,741,785,653</b>	<b>34,666,064,322</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	22,057,144,653	22,981,423,322
	- Tài sản cố định hữu hình	20,803,939,297	21,668,090,582
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Chi phí XDCB dở dang	1,253,205,356	1,313,332,740
3	Bất động sản đầu tư		
4	Đầu tư tài chính dài hạn	11,684,641,000	11,684,641,000
5	Tài sản dài hạn khác		
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>168,664,451,952</b>	<b>150,244,750,166</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>69,216,866,552</b>	<b>46,718,105,184</b>
1	Nợ ngắn hạn	68,951,202,528	45,226,554,098
2	Nợ dài hạn		
3	Nợ khác	265,664,024	1,491,551,086
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>99,447,585,400</b>	<b>103,526,644,982</b>
<b>1</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>97,424,004,019</b>	<b>102,085,353,169</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá	347,000,000	
	- Các quỹ	3,322,118,092	3,322,118,092
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13,754,885,927	18,763,235,077
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		



2	<b>Nguồn vốn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>2,023,581,381</b>	<b>1,441,291,813</b>
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,023,581,381	1,441,291,813
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí hình thành từ TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>168,664,451,952</b>	<b>150,244,750,166</b>

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	41,737,545,440	125,078,277,943
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41,737,545,440	125,078,277,943
4	Giá vốn hàng bán	33,224,752,538	100,700,527,880
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,512,792,902	24,377,750,063
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,404,819,142	2,823,948,734
7	Chi phí hoạt động tài chính	1,750,518,343	4,020,096,861
8	Chi phí bán hàng	1,104,334,995	3,993,314,400
9	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	2,325,272,054	6,239,164,061
10	Lợi tức thuần từ HĐ KD	4,737,486,652	12,949,123,475
11	Thu nhập khác	270,863,528	2,067,104,923
12	Chi phí khác	1,030	1,721
13	Lợi nhuận khác	270,862,498	2,067,103,202
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	5,008,349,150	15,016,226,677
15	Thuế thu nhập DN phải nộp	500,834,915	1,501,622,668
16	Lợi nhuận sau thuế	4,507,514,235	13,514,604,009
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	563	1,689
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		



Kế toán trưởng

*Thái Thanh Thủy*

THÁI THANH THỦY

Ngày 24 tháng 10 năm 2008

Tổng Giám Đốc



TÔN THẤT MẠNH